

Số: *282*/LĐLĐ

Ninh Bình, ngày *29* tháng *10* năm 2021

V/v báo cáo hoạt động công đoàn năm 2021,
nhiệm vụ trọng tâm năm 2022.

- Kính gửi:**
- Các LĐLĐ huyện, thành phố, CDN;
 - Trường TC kỹ thuật DL Công đoàn Ninh Bình;
 - Các Ban LĐLĐ tỉnh.

Thực hiện Công văn số 2944/TLĐ ngày 26/10/2021 của Tổng LĐLĐ Việt Nam về việc hướng dẫn tổng kết hoạt động công đoàn năm 2021, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh hướng dẫn báo cáo tổng kết hoạt động công đoàn năm 2021, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022; tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

I. Về tình hình công nhân, viên chức, lao động

Khái quát tình hình việc làm, đời sống của CNVCLĐ; đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với đời sống của đoàn viên, NLĐ; tình hình quan hệ lao động có tác động đến tổ chức và hoạt động công đoàn, quan tâm tới các vấn đề mới phát sinh hoặc dự báo sẽ phát sinh trong thực tiễn cùng những tác động, ảnh hưởng, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra đối với tổ chức Công đoàn.

II. Kết quả hoạt động công đoàn năm 2021

1. Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và hỗ trợ đoàn viên bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh

- Công tác tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh trong đoàn viên, CNVCLĐ.

- Tác động của dịch Covid-19 đối với đời sống của đoàn viên, CNVCLĐ.

- Hoạt động chăm lo đời sống cho đoàn viên, CNLĐ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (*Công tác chỉ đạo; công tác tham mưu đề xuất với cấp ủy, chính quyền, phối hợp với các cơ quan liên quan, NSDLĐ; kết quả triển khai hỗ trợ CNLĐ Nghị định 68, Quyết định 23, NĐ 116 và các gói hỗ trợ của tổ chức Công đoàn; kết quả hỗ trợ trực tiếp cho đoàn viên, CNLĐ; hoạt động hỗ trợ CNLĐ tìm việc làm và trở lại làm việc tại DN...*).

2. Công tác đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên, CNLĐ

- Công tác nghiên cứu, tham gia xây dựng chính sách pháp luật liên quan trực tiếp đến người lao động, tổ chức công đoàn.

- Công tác phối hợp triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách, pháp luật liên quan đến CNLĐ; kiến nghị các cơ quan chức năng xử lý vi phạm, giải quyết vướng mắc...

- Việc thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở, tổ chức Hội nghị CBCCVC, hội nghị NLĐ và đối thoại tại nơi làm việc; thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể tại doanh nghiệp, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiên bộ tại doanh nghiệp.

- Kết quả triển khai Tháng hành động về ATVSLĐ và thực hiện bữa ăn ca của người lao động tại doanh nghiệp.

3. Hoạt động chăm lo đời sống cho đoàn viên, CNVCLĐ

- Đánh giá kết quả triển khai chương trình “Phúc lợi cho đoàn viên, NLD”, trong đó tập trung làm rõ việc ký kết và phối hợp với các đối tác để triển khai thỏa thuận hợp tác; số lượng đoàn viên, NLD được thụ hưởng các ưu đãi từ hoạt động chăm lo (*mô hình mới, cách làm hiệu quả trong việc triển khai thực hiện chương trình*).

- Chương trình “Tết sum vầy” và các hoạt động chăm lo Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021 cho đoàn viên, NLD; hỗ trợ vé xe cho CNLD về quê đón Tết...

- Kết quả hỗ trợ xây nhà “Mái ấm công đoàn”; công tác vận động ủng hộ các loại quỹ...

4. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho đoàn viên, CNVCLĐ và hoạt động “Tháng công nhân” năm 2021

- Công tác tuyên truyền, vận động, tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị; triển khai Chương trình hành động của LĐLĐ tỉnh (*số liệu các cuộc tuyên truyền, số người tham gia*).

- Kết quả tổ chức các hoạt động kỷ niệm 135 năm Ngày Quốc tế Lao động 1/5; Tháng Công nhân và Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2021 theo Kế hoạch 06/KH-LĐLĐ, ngày 26/02/2021 của BTV LĐLĐ tỉnh; tổ chức các hoạt động kỷ niệm 91 năm ngày thành lập CĐVN, 75 năm thành lập Công đoàn Ninh Bình.

- Kết quả tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao nâng cao đời sống tinh thần cho CNVCLĐ. Công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Kết quả triển khai việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

5. Kết quả thực hiện các phong trào thi đua

- Kết quả triển khai các phong trào thi đua của tổ chức công đoàn, đặc biệt là phong trào thi đua “CNVCLĐ nỗ lực vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid-19”.

- Đánh giá các mô hình mới, cách làm sáng tạo, hiệu quả.

- Kết quả khen thưởng các phong trào thi đua.

6. Công tác phát triển đoàn viên, xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh; nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ công đoàn

- Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao năm 2021 theo Công văn số 74/LĐLĐ ngày 29/3/2021; việc cụ thể hóa chủ đề năm “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn cơ sở”.

- Kết quả công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS; công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ công đoàn các cấp; công tác cập nhật phân mềm quản lý đoàn viên (*số liệu cụ thể*)

- Công tác tham gia xây dựng Đảng, đặc biệt là công tác phát triển đảng trong CNLD.

7. Công tác Nữ công

- Công tác tuyên truyền Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác nữ, về giới, bình đẳng giới. Kết quả thành lập các Ban nữ công quần chúng; kết quả Đại hội phụ nữ các cấp.

- Công tác kiểm tra, giám sát; xây dựng pháp luật có liên quan đến lao động nữ

- Kết quả các phong trào thi đua trong nữ CNVCLĐ; các hoạt động xã hội liên quan đến nữ CNVCLĐ và con CNVCLĐ.

8. Công tác Tài chính

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định mới của TLĐ; tình hình thu – chi, quản lý tài chính, tài sản công đoàn.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản...

9. Hoạt động của UBKT công đoàn: (số cuộc kiểm tra, nội dung kiểm tra, kết quả sau kiểm tra; số đơn thư kiến nghị)

10. Các hoạt động sáng tạo, mang lại kết quả trong thực tiễn hoạt động ở các cấp công đoàn không phụ thuộc vào chỉ đạo của LĐLĐ tỉnh. (nếu có)

Đề nghị đơn vị tập trung đánh giá những cách làm, mô hình mới, sáng tạo mang lại hiệu quả thiết thực, cụ thể tại các cấp công đoàn (có các số liệu chứng minh cụ thể).

III. Đánh giá chung (Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân, đề xuất kiến nghị)

IV. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

Căn cứ Chương trình công tác của các cấp công đoàn, đề ra nhiệm vụ chủ yếu tập trung chỉ đạo, thực hiện trong năm 2022.

*** Lưu ý:**

- Các Ban LĐLĐ tỉnh xây dựng báo cáo kết quả các chuyên đề theo chức năng nhiệm vụ gửi về Tổng Liên đoàn và Văn phòng LĐLĐ tỉnh trước ngày **15/11/2021**.

- LĐLĐ các huyện, thành phố, CĐN xây dựng Báo cáo và kèm theo biểu mẫu thống kê số liệu ước thực hiện đến hết tháng 11/2021 (theo mẫu gửi kèm) gửi về Văn phòng LĐLĐ tỉnh **chậm nhất ngày 15/11/2021** Email: vanphongldldnb@gmail.com./.

Nơi nhận:

- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
 - LĐLĐ các huyện, TP, CĐN
 - Các Ban LĐLĐ tỉnh; Trường TC
 - Lưu: VT
- } (Qua Website)

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Kim Long

BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN
(Số liệu ước thực hiện đến hết tháng 11/2021)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Tình hình CNVCLĐ và việc thực hiện một số chính sách quan trọng đối với NLĐ				
1	Số doanh nghiệp còn nợ lương người lao động	DN		
	Tổng số tiền lương doanh nghiệp còn nợ người lao động	triệu đồng		
2	Số DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	DN		
	Số tiền DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	triệu đồng		
3	Tổng số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra Trong đó	vụ		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“		
4	Tổng số vụ/số người bị tai nạn lao động. Trong đó:	vụ/người		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	vụ/người		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	vụ/người		
	Số vụ tai nạn lao động chết người/số người chết. Trong đó	vụ/người		
	+ Doanh nghiệp có công đoàn	vụ/người		
	+ Doanh nghiệp không có công đoàn	vụ/người		
5	Số người mắc bệnh nghề nghiệp. Trong đó	người		
	+ Số người mắc mới trong kỳ báo cáo	“		
6	Số DN có thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên	DN		
	Số an toàn vệ sinh viên	người		
II. Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động				
7	Số DN có thỏa ước lao động tập thể. Trong đó	DN		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“		
8	Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	đơn vị		
	Số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng đã tổ chức hội nghị CB, CC, VC	đơn vị		
9	Số doanh nghiệp nhà nước đã tổ chức hội nghị NLĐ	DN		
	Số DN ngoài khu vực Nhà nước đã tổ chức HN NLĐ	“		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
10	Số DN nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc. Trong đó:	DN		
	+ Đối thoại định kỳ	cuộc		
	+ Đối thoại đột xuất	cuộc		
	Số DN ngoài khu vực nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc. Trong đó:	DN		
	+ Đối thoại định kỳ	cuộc		
	+ Đối thoại đột xuất	cuộc		
11	Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở. Trong đó	đơn vị		
	+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	đơn vị		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	DN		
	+ Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước	DN		
12	Số người được tư vấn pháp luật	lượt người		
13	Số người được bảo vệ tại tòa án	người		
14	Giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị			
	+ Số cuộc công đoàn chủ trì giám sát	cuộc		
	+ Số cuộc công đoàn tham gia giám sát	cuộc		
	+ Số cuộc hội nghị phản biện	cuộc		
15	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	lượt người		
	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	triệu đồng		
	Số đoàn viên, người lao động được thụ hưởng chương trình “Phúc lợi cho đoàn viên và người lao động”	lượt người		
	Số tiền hưởng lợi	triệu đồng		
16	Quỹ xã hội công đoàn (do đoàn viên, NLĐ và các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ)			
	+ Số tiền vận động được trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
	+ Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà “Mái ấm công đoàn”	nhà		
	+ Số tiền hỗ trợ xây mới, sửa chữa	triệu đồng		
17	Quỹ trợ vốn (chương trình, dự án tài chính vĩ mô)			
	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
	+ Số người được cho vay	người		
18	Quỹ quốc gia về việc làm			
	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
	+ Số người được cho vay	người		
III. Công tác thi đua				
19	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Giá trị làm lợi	triệu đồng		
	Tiền thưởng sáng kiến	“		
20	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	CT, SP		
	Giá trị làm lợi từ các công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	triệu đồng		
21	Số người đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”	người		
IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục				
22	Số đoàn viên, NLĐ được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các nghị quyết của Công đoàn	lượt người		
23	Số đoàn viên, NLĐ được tham gia hoạt động văn hóa, thể thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn tổ chức	lượt người		
24	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	lượt người		
V. Công tác nữ công				
25	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thành lập ban nữ công quần chúng	đơn vị		
26	Số CĐCS khu vực HCSN, DNNN có từ 10 nữ đoàn viên trở lên. Trong đó:	CĐCS		
	+ Số ban nữ công quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
	+ Số BNC quần chúng đã thành lập mới trong kỳ báo cáo	BNC		
27	Số CĐCS ngoài khu vực NN có từ 10 nữ đoàn viên trở lên. Trong đó:	CĐCS		
	+ Số ban nữ công quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
	+ Số BNC quần chúng đã thành lập mới trong kỳ báo cáo	BNC		
28	Tổng số ủy viên ban nữ công quần chúng. Trong đó	người		
	+ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	“		
	+ CĐCS khu vực HCSN và DNNN	“		
	+ CĐCS ngoài khu vực nhà nước	“		
29	Số người được khen thưởng phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, Trong đó	người		
	+ Khu vực HCSN và DNNN	“		
	+ Ngoài khu vực Nhà nước	“		
VI. Công tác kiểm tra				
30	Số CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở đã tổ chức thực hiện việc kiểm tra tài chính cùng cấp trong kỳ báo cáo	đơn vị		
VII. Công tác tổ chức				
31	Tổng số CNVCLĐ	người		
	Nữ CNVCLĐ	người		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
32	Tổng số đoàn viên công đoàn	người		
	+ Tổng số đoàn viên kết nạp mới	“		
	+ Tổng số đoàn viên giảm	“		
	+ Tổng số đoàn viên tăng (giảm thực tế)	“		
33	Tổng số CĐCS. Trong đó			
	+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	CĐCS		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“		
	+ Số nghiệp đoàn	“		
34	Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	đơn vị		
35	Số DN có 25 CNLĐ trở lên. Trong đó	DN		
	Số DN đã thành lập CĐCS	“		
36	Số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	lượt người		
	Số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	“		
37	Số đoàn viên công đoàn ưu tú được CĐCS giới thiệu cho tổ chức Đảng xem xét, kết nạp	người		
	Số đoàn viên công đoàn được kết nạp vào Đảng	“		
38	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	đơn vị		
39	Số CĐCS khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	CĐCS		
	Số CĐCS ngoài khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	“		

Lưu ý: Đề nghị các đơn vị thống kê đầy đủ các mục (không bỏ trống), đảm bảo chính xác số liệu